

TỜ TRÌNH

**V/v Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác
của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thông tư 78/2014/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ban hành ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Thông tư 003/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ ban hành ngày 28/4/2025 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua ngày 15/6/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 308/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Nghị quyết số 683/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao theo hiệu quả công việc và lợi ích khác năm 2025 cho Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát Công ty như sau:

1. Mức tiền lương, thù lao theo hiệu quả công việc và lợi ích khác của HĐQT và Ban Kiểm soát:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Thành viên HĐQT	
1.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)
1.2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	14.000.000
1.3	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty
1.4	Thành viên HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty
1.5	Thành viên HĐQT không chuyên trách	12.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	
2.1	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty
2.2	Trưởng BKS không chuyên trách	12.000.000
2.3	Thành viên BKS chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty
2.4	Thành viên BKS không chuyên trách	5.000.000

Mức cụ thể đối với các trường hợp không chuyên trách đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phù hợp với Nghị định 44/2025/NĐ-CP.

2. Chi phí khác:

Để tạo điều kiện tốt nhất cho Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025, đồng thời đảm bảo kinh phí cho HĐQT, Ban Kiểm soát và các Ban thuộc HĐQT thực hiện công tác quản trị tăng cường công tác giám sát và hỗ trợ hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt ngân sách cho HĐQT và Ban Kiểm soát để chi tiêu một số khoản như: Điện thoại, công tác phí, chi phí giao dịch... Căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động thực tế, HĐQT giao Chủ tịch HĐQT phê duyệt chủ trương để Tổng Giám đốc thực hiện hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh.

Mức chi: **0,3%** /Doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, CSNS, VPTSC.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải